

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS -ST

Ngày: 22- 02- 2019

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH ,TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tú.
2. Bà Đồng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giang Thị Thúy Thu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 03 năm 2017 về tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX- ST ngày 17 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1963; **Chị Huỳnh Thị N**, sinh năm 1971; Cùng trú tại: Thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu Hành Chính 10, phường Đ, thành phố V, tỉnh VP; Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2017).

Tại pH toà: Anh M, chị T, chị S có mặt; anh N, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai anh Nguyễn Văn M là nguyên đơn trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn T, mẹ anh là bà Hà Thị Th sinh được 6 người con là: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn N. Bố mẹ anh không có con nuôi. Các cụ sinh ra bố mẹ anh chết trước bố mẹ anh. Năm 1984 chị Nguyễn Thị A chết, khi chết chị A chưa có chồng con. Năm 2006 mẹ anh chết tại nhà đất của bố mẹ anh, năm 2011 bố anh chết tại nhà riêng của vợ chồng anh. Khi chết bố mẹ anh không để lại di chúc, không nợ nần ai, không để lại nghĩa vụ tài sản gì cho con cái phải lo. Việc lo mai táng cho bố mẹ, anh là người đứng lên lo liệu, tiền phúng viếng của ai người đó nhận anh em trong gia đình hỗ trợ bao nhiêu là tùy T, thừa thiếu bao nhiêu anh chịu trách nhiệm. Năm 2010 cải táng thay nhà cho mẹ anh và đến năm 2015 cải táng thay nhà cho bố anh, số tiền cải táng cho bố mẹ anh đứng lên lo liệu, anh em trong gia đình ai đóng góp bao nhiêu là tùy T. Tiền thuế đất hàng năm của bố mẹ lúc thì anh nộp, lúc thì chị T và lúc thì anh N nộp. Khi chết bố mẹ anh có để lại tài sản gồm diện tích là 832,6m² đất (trong đó đất ở nông thôn 283,2m², đất trồng cây lâu năm 190,9m² và đất nuôi trồng thủy sản 358,5m²), tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình, đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 213832 ngày 06/12/2010 mang tên bố anh là ông Nguyễn Văn T; trên đất có ngôi nhà cấp 4 bốn gian, 1 bể nước 10m³, 1 bể nước 1,5m³ và các cây cối trên đất (như cây nhãn, cây chè, cây mít, cây dừa, cây cọ, cây hoãn (cây và), cây gạo, bụi tre và một số các loại cây). Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đang quản lý; tài sản nhà đất của bố mẹ để lại vợ chồng anh N chị N đang quản lý sử dụng. Năm 2017 anh đã gặp anh N để bàn bạc chia đất làm nơi thờ cúng cho bố mẹ nhưng không thành. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo pháp luật, chia đều cho tất cả anh chị em, phần của anh thì anh xin lấy đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ. Khi chia đề nghị Tòa án chia theo thứ tự từ căn nhà vợ chồng anh N đang ở là của anh N, tiếp đến là anh, chị T, cô S, cô H. Phần tài sản cây cối trên đất vào phần của ai thì người đó sử dụng, không phải trả chênh lệch cho người khác, ngoài ra anh không đề nghị Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị bị đơn anh Nguyễn Văn N, chị Huỳnh Thị N trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn T và mẹ anh là bà Hà Thị Th. Bố mẹ anh sinh được 6 người con đẻ, không có con nuôi, các con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị A (đã chết không chồng không con), Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn N. Khi chết bố mẹ anh không để lại di chúc và không nợ nần ai. Việc lo mai táng cúng giỗ cho mẹ thì vợ chồng anh lo đầy đủ không thiếu sót gì. Khi bố anh chết vợ chồng anh cũng đóng góp lo mai táng thờ cúng đầy đủ chu đáo. Tiền thuế đất hàng năm của bố mẹ anh là người nộp. Khi chết bố

mẹ anh có để lại tài sản diện tích đất gồm $832,6\text{m}^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố anh là ông Nguyễn Văn T tại thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình, trên đất có 1 bể $1,5\text{m}^3$ ngoài ra không còn tài sản gì khác, còn các Cg trình xây dựng trên đất, cây cối, bể nước 14m^3 là của vợ chồng anh chị xây dựng nên không phải là di sản thừa kế của bố mẹ anh. Toàn bộ các di sản thừa kế của bố mẹ, vợ chồng anh đang quản lý sử dụng. Nay anh M yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại, quan điểm của vợ chồng anh là chỉ đồng ý chia $282,2\text{m}^2$ đất ở cho các anh chị em, anh không đồng ý chia 190m^2 đất trồng cây lâu năm và 358m^2 đất ao vì diện tích đất này đã được quy đổi từ đất 313 của anh và bố anh sang đất ao vườn.

Tại đơn yêu cầu phản tố và bản tự khai anh N chị N trình bày: Trong quá trình sống cùng với bố mẹ, năm 1992 anh đã xây dựng 2 gian bếp, 3 gian chuồng trại; năm 2002 xây bể nước 14m^3 ; năm 2004 xây nhà cấp 4 bốn gian; tham gia làm đường cùng với nhân dân trong thôn; năm 2005 khi kết hôn với chị N vợ chồng anh có xây tường rào, tôn sân, bồi trúc đất ao vườn, trồng cây cối như tôn tạo sân vườn: sân 25m^3 , mảnh vườn giáp sân 82m^3 , bờ ao phía bắc 96m^3 , trồng 5 cây na, 4 cây nhãn, 2 cây mít, 2 cây bưởi, 2 cây khế, 2 cây chanh, 1 cây lộc vừng, 4 cây sung, 20 cây chuối, xây 13m dài tường rào trụ cổng; Đất ao anh thả các loại cá, tôn cao vườn để trồng cây lâu năm, tôn phần bờ ao phía đông 35m^3 , phần bờ ao phía nam 48m^3 , phần vườn phía nam giáp kênh 503m^3 và trồng 23 cây mít, 2 cây xoan, 2 cây bưởi, 1 cây dừa, 1 cây bạch đàn, 1 cây cọ, 1 cây gạo, 5 cây chè, 15 cây ổi, 130 cây chuối, 13 cây hoãn, 1 bụi tre và nhiều loại cây có tác dụng làm thuốc khác; làm đường bê tông 45m^3 ; Do có Cg tôn tạo bồi trúc nên đã hợp thức hóa mảnh đất của bố mẹ anh từ năm 1986 có 520m^2 đến năm 2010 khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất đã tăng lên thành $832,6\text{m}^2$. Nay anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại, quan điểm của vợ chồng anh chỉ đồng ý chia $282,2\text{m}^2$ đất ở cho các anh chị em, còn 190m^2 đất trồng cây lâu năm và 358m^2 đất ao anh không đồng ý chia vì diện tích đất này đã được quy đổi từ đất 313 của anh và bố anh sang đất ao vườn, quá trình chia thừa kế nếu người nào nhận được phần tài sản mà do vợ chồng anh xây dựng, bồi trúc, trồng cây thì người đó phải có trách nhiệm bồi thường tài sản trên đất cho vợ chồng anh.

Tại bản tự khai và các đơn đề nghị chị Nguyễn Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị xác nhận mối quan hệ bố mẹ, anh chị em trong gia đình, thời gian cô A, bố mẹ chết như nguyên đơn trình bày là đúng. Khi chết bố mẹ chị không để lại di chúc, không nợ nần ai, không để lại nghĩa vụ tài sản gì cho con cái phải lo. Việc lo mai táng, cải táng cho bố mẹ, anh M đứng lên lo liệu, chị có hỗ trợ cho anh M lo việc cho bố mẹ, tiền phúng viếng của ai thì người đó lấy. Tiền thuế đất hàng năm của bố mẹ lúc thì chị nộp, lúc thì anh M nộp. Khi chết bố mẹ chị có để lại tài sản gồm $832,6\text{m}^2$ đất tại thôn Th, xã N,

thành phố Ninh Bình trên đất có ngôi nhà cấp 4 bốn gian và 1 bể nước 10m^3 , 1 bể nước $1,5\text{m}^3$ và các cây cối trên đất (như cây mít, cây chè, cây nhãn, cây dừa, cây cọ, cây vò, cây gạo và một số các loại cây khác...) như anh M trình bày là đúng. Toàn bộ tài sản hiện nay vợ chồng anh N đang quản lý sử dụng. Năm 2005 chị bỏ tiền ra sửa nhà, xây bể nước cho bố mẹ, số tiền sửa chữa là do chị biếu bố mẹ, ngoài ra có sự đóng góp Cg sức của anh M, cô H, cô S. Khu vực chuồng trại nay sắp sập nát là do cô H bỏ tiền ra làm từ năm 1985, các anh chị em cũng góp Cg như vợ chồng cô S kê ao, đào đất ở ao lên tôn nền, vợ chồng N không có Cg sức xây dựng tôn tạo gì trên đất mà là Cg sức của tất cả các anh chị em. Nay anh M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ chị, quan điểm của chị đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, phần của chị thì chị xin lấy đất; Quan điểm của cô H khi chia thừa kế cũng xin nhận phần đất.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị xác nhận mối quan hệ bố mẹ, anh chị em trong gia đình, thời gian chị A, bố mẹ chết như nguyên đơn trình bày là đúng. Khi chết bố mẹ chị không để lại di chúc và không nợ nần ai. Việc mai táng, cải táng cho bố mẹ như anh M và chị T trình bày là đúng. Tài sản thừa kế của bố mẹ để lại gồm $832,6\text{m}^2$ đất tại thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình trên đất có ngôi nhà cấp 4 bốn gian, bể nước 10m^3 và các cây cối trên đất như cây mít, cây chè, cây nhãn, cây dừa, cây cọ...) như anh M, chị T trình bày là đúng. Toàn bộ tài sản thừa kế vợ chồng anh N đang quản lý sử dụng. Nay anh M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ, quan điểm của chị đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, phần của chị thì chị xin được lấy đất để sử dụng.

Ý kiến của anh M, chị T, chị S đối với yêu cầu phản tố của anh N: Diện tích đất 313 của bố mẹ và anh N đã được nhà nước thu hồi và trả tiền đền bù hết, không có việc quy đổi từ đất 313 của anh N và bố mẹ sang đất ao vườn. Khi bố mẹ còn sống có đào đất ở ao lên tôn nền, xây dựng sửa sang lại nhà cửa, xây bể nước, làm đường cùng với nhân dân thôn xóm là tất cả các anh chị em người có Cg, người có của, cùng nhau tập chung lại để làm sửa sang nhà cửa cho bố mẹ ở, chứ không riêng gì Cg sức của anh N lúc đó anh N đi bộ đội không có Cg sức gì. Nộp thuế đất hàng năm khi thì ông T nộp, khi anh M, chị T và anh N nộp. Anh N có làm đường nông thôn sau này, có trồng Th một số cây trên đất như chuối, ổi, khế, lộc vừng, sung... Năm 2017 nhà vệ sinh của anh N do bão cây đổ sập mái, anh N có sửa lại lợp prôximăng, ngoài ra anh N không có xây dựng mới, sửa sang nhà, hay tôn tạo đôn sân, vườn Th bất cứ Cg trình gì. Không có việc anh N tôn tạo bồi trúc để hợp thức hóa diện tích đất năm 1986 là 520m^2 đến năm 2010 khi cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích là $832,6\text{m}^2$, diện tích đất tăng là do trước đây chính quyền đo bằng que sào, không có tường bao danh giới, đến khi nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất thì đo lại bằng máy móc nên có

sự chênh lệch. Do vậy việc anh N khai như trên không đúng sự thật đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng anh N.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chia thừa kế tài sản do bố mẹ anh để lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 613, Điều 615, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M đối với yêu cầu “Chia di sản thừa kế”.

Giao quyền sử dụng cho anh Nguyễn Văn N 258,3m² đất và các tài sản gắn liền với diện tích đất trong đó đất ở là 103,3m², đất vườn là 155m². Vị trí: phía Bắc giáp đường trục thôn dài 9,93m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Tử C dài 30,3m; phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn M dài 30,86m; phía Nam giáp nương dài 11,35m và sở hữu tài sản, cây trên đất.

Giao quyền sử dụng cho anh Nguyễn Văn M 139m² đất và các tài sản gắn liền với diện tích đất trong đó đất ở là 49,3m², đất vườn là 35,9m², đất ao là 53,8m². Vị trí: phía Bắc giáp đường trục thôn dài 4,5m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N dài 30,86m; phía Đông giáp đất chị Nguyễn Thị T dài 30,99m; phía Nam giáp nương dài 4,5m và sở hữu tài sản, cây trên đất.

Giao quyền sử dụng cho chị Nguyễn Thị T 139,6m² đất và các tài sản gắn liền với diện tích đất trong đó đất ở là 45,8m², đất ao là 93,8m². Vị trí: phía Bắc giáp đường trục thôn dài 4,5m; phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn M dài 30,99m; phía Đông giáp đất chị Nguyễn Thị S dài 31,11m; phía Nam giáp nương dài 4,5m và sở hữu tài sản, cây trên đất.

Giao quyền sử dụng cho chị Nguyễn Thị S 140,2m² đất và các tài sản gắn liền với diện tích đất trong đó đất ở là 42,3m², đất ao là 97,9m². Vị trí: phía Bắc giáp

đường trục thôn dài 4,5m; phía Tây giáp đất chị Nguyễn Thị T dài 31,11m; phía Đông giáp đất chị Nguyễn Thị S dài 31,23m; phía Nam giáp nương dài 4,5m và sở hữu tài sản, cây trên đất.

Giao quyền sử dụng cho chị Nguyễn Thị H 155,5m² đất và các tài sản gắn liền với diện tích đất trong đó đất ở là 42,5m², đất ao là 113m². Vị trí: phía Bắc giáp đường trục thôn dài 4,5m; phía Tây giáp đất chị Nguyễn Thị S dài 31,23m; phía Đông giáp giếng làng với đất ông Tân dài 31,42m; phía Nam giáp nương dài 4,5m và sở hữu tài sản, cây trên đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh N về việc có trồng thêm các cây trên đất.

3. Bác yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn N và chị Huỳnh Thị N về việc quy đổi đất 313 sang đất ao vườn, hợp thức hóa diện tích đất 520m² thành 832,6m², xây dựng 4 gian nhà, 2 gian bếp, ba gian chuồng trại, xây bể, bồi trúc ao vườn, tôn tạo sân vườn.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: Anh Nguyễn Văn M đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản là 4.200.000đồng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn M theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn N, chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn M khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ anh để lại gồm diện tích đất 832,6m² tại thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình và các tài sản trên đất theo quy định của pháp luật nên là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, theo khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 10/01/2019, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn N, chị Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt (anh N vắng mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại

phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2019. Do lý do khách quan Tòa án thông báo mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30' ngày 22/02/2019.

Tại phiên tòa ngày 22/02/2019, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn N, chị Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về thời hiệu thừa kế: Bà Hà Thị Th chết năm 2006, ông Nguyễn Văn T chết năm 2011. Khi chết ông T, bà Th để lại tài sản gồm 832,6m² đất và một số tài sản trên đất. Theo quy định tại Điều 611, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy anh M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là còn thời hiệu.

- Về tài sản thừa kế: Có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị Th. Ông T, bà Th chết không để lại di chúc, khối tài sản chưa phân chia gồm: diện tích 832,6m² đất (trong đó đất ở nông thôn 283,2m², đất trồng cây lâu năm 190,9m² và đất nuôi trồng thủy sản 358,5m²), tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình, đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 213832 ngày 06/12/2010 mang tên ông Nguyễn Văn T, tài sản trên đất gồm có ngôi nhà cấp 4 bốn gian, bể nước 10m³, bể nước 1,5m³ và các cây cối trên đất (như cây nhãn, cây mít, cây chè, cây dừa, cây cọ, cây hoãn (cây và) cây gạo, bụi tre... và một số loại cây khác) hiện nay vợ chồng anh Nguyễn Văn N, chị Huỳnh Thị N đang quản lý sử dụng.

Theo kết quả thẩm định và định giá tài sản trị giá đất là: 3.064.200.000đồng (Đất ở là 1.416.000.000đ, đất vườn: 572.700.000đồng, đất ao: 1.075.500.000đồng). Các tài sản trên đất: Nhà và công trình xây dựng, cây trên đất là: 82.648.747đồng.

- Về hàng thừa kế và kỷ phần: Ông T và bà Th có 6 người con chung là chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị A (chị A chết năm 1984 không có chồng con). Theo quy định tại Điều 613, 651 Bộ luật dân sự thì những người được hưởng thừa kế theo pháp luật hiện còn sống tại thời điểm mở thừa kế của ông T bà Th thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 5 người là anh M, anh N, chị T, chị S và chị H. Chị A chết trước ông T, bà Th nhưng chưa có chồng con nên không được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Do ông T bà Th chết không có di chúc, nên di sản thừa kế của ông T bà Th được chia theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 650 Bộ luật dân

sự năm 2015 và di sản thừa kế được chia cho 5 người gồm anh M, anh N, chị T, chị S và chị H. Các đương sự đều có yêu cầu được chia đất để sử dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự thì di sản thừa kế của ông T bà Th chia được bằng hiện vật, nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Đối với nhà ở và các công trình trên đất, đất vườn, đất ao, cây cối anh M, chị T, chị S và chị H đều thống nếu ai được chia vào phần nào thì người đó được quyền sử dụng.

- Về công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản và chăm sóc người để lại di sản: Khi ông T còn sống anh M, chị T, chị S, chị H, anh N đều có đóng góp tiền, công sức, tôn tạo làm đường cùng nhân dân trong xóm, sửa sang nhà cửa cho bố mẹ, chăm sóc bố mẹ. Ông T bà Th khi chết không để lại nghĩa vụ tài sản gì. Khi ông bà chết anh M, chị T, chị S, chị H, anh N cùng lo mai táng và xây mộ; anh M, chị T, chị S và chị H không đề nghị về công sức đóng góp của họ nên xét về công sức đóng góp là ngang nhau.

[4] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Anh N không đồng ý chia 190m² đất trồng cây lâu năm và 358m² đất nuôi trồng thủy sản, anh N cho rằng vì diện tích đất này đã được quy đổi từ đất 313 của anh và bố anh sang đất ao vườn và trong quá trình chung sống cùng với bố mẹ, anh có xây 2 gian bếp, 3 gian chuồng trại, xây bể nước 14m³, xây nhà cấp 4 bốn gian, tham gia làm đường với nhân dân trong thôn. Sau khi lấy vợ thì vợ chồng anh xây tường rào, tôn sân, bồi trúc ao vườn, trồng cây cối, tôn tạo sân vườn, đã được hợp thức hóa mảnh đất từ 520m² lên 832,6m². Anh không đồng ý chia thừa kế diện tích 832,6m² đất mà chỉ đồng ý chia thừa kế 283,2m² đất ở, nếu người nào nhận được phần tài sản mà do vợ chồng anh xây dựng, bồi trúc, trồng cây thì người đó phải có trách nhiệm bồi thường tài sản trên đất cho vợ chồng anh. Trị giá tài sản anh N yêu cầu phản tố là 530.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho anh N nộp tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản có yêu cầu phản tố, nhưng anh N không nộp và có đơn đề nghị tự mình định giá.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã N, Hợp tác xã nông nghiệp N và Ban giải phóng mặt bằng thành phố Ninh Bình thì đất 313 của gia đình ông T là 3 khẩu: ông T, bà Th và anh N, gia đình ông T đã tách ruộng cho anh N. Đến khi giải phóng mặt bằng theo từng giai đoạn nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích đất 313 của vợ chồng ông T và anh N và đã trả đền bù, ông T là người nhận số tiền của ông T và bà Th còn anh N là người nhận số tiền của anh N. Vì vậy toàn bộ diện tích đất 313 của ông T, bà Th và anh N không còn mà đã được nhà nước thu hồi và trả tiền đền bù hết. Bản đồ địa chính trước đây diện tích đất là 520m² đến khi cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 832,6m² là do có sự biến động, đo đạc lại bằng máy móc. Do vậy việc

anh N cho rằng diện tích 190m² đất trồng cây lâu năm và 358m² đất nuôi trồng thủy sản được quy đổi từ đất 313 của anh và bố anh và anh đã hợp thức hóa diện tích đất từ 520m² lên thành 832,6m² là không có căn cứ chấp nhận.

Theo biên bản xác minh của trưởng thôn Th, xã N và một số hộ dân sống gần nhà ông T cung cấp thì trong quá trình sinh sống tại nhà ông T, anh N có sửa mái ngói một lần, không có xây dựng mới, không có việc tôn tạo vườn, đôn nền nhà sân, vẫn nền cũ, có tham gia làm đường cùng với nhân dân trong thôn. Năm 2004 - 2005 gia đình ông T bà Th sửa chữa nhà có vay tiền của Hội cựu chiến binh, chị T là người bỏ tiền ra trả cho ông T (có xác nhận của ông Nguyễn Văn K - nguyên chủ tịch Hội cựu chiến binh xã). Do vậy khi ông T bà Th còn sống thì các con anh M, chị T, chị S, chị H, anh N đều có đóng góp tiền, công sức, vật liệu, làm đường cùng nhân dân trong thôn xóm, sửa sang nhà cửa cho bố mẹ, bản thân ông T bà Th cũng được nhà nước trả đền bù nên cũng được nhận một khoản tiền để chi phí. Vì vậy tất cả tài sản trên đất là công sức của ông T bà Th và của toàn bộ các anh chị em trong gia đình đều là người có công sức, đóng góp xây dựng vào khối tài sản trên, chứ không phải công sức riêng của anh N. Tuy nhiên trong quá trình ở trên đất của ông T bà Th thì vợ chồng anh N có trồng thêm một số các loại cây trên đất trị giá là 8.810.000đồng. Do vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh N chị N về việc trồng thêm các cây trên đất.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Anh M, chị T, chị S và chị H đều đã có chỗ ở ổn định nơi khác, do vậy khi chia thừa kế để tạo điều kiện cho anh N có chỗ ở nên chia cho anh N ở trên phần diện tích đất hiện đang có nhà. Từ nhỏ anh N là người ở cùng với ông T bà Th, sau khi anh N đi bộ đội về và khi lấy vợ thì vợ chồng anh N chị N vẫn ở trên nhà đất của ông T bà Th, quá trình ở vợ chồng anh N có công sức đóng góp vào việc trông coi, bảo quản, duy trì tài sản, trồng thêm cây trên đất... nên khi chia thừa kế chia thêm cho anh N một phần di sản thừa kế. Tổng trị giá tài sản thừa kế là 3.146.848.747đồng, trích một phần cho vợ chồng anh N chị N công sức trông coi, bảo quản, trồng cây duy trì tài sản trị giá là 487.639.390đồng, số còn lại chia đều cho 5 đồng thừa kế mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tài sản trị giá là **531.841.871đồng**. Chia theo hướng từ Tây sang Đông thứ tự: anh N, anh M, chị T, chị S, chị H; ai nhận phần di sản nhiều hơn kỷ phần thì có trách nhiệm thanh toán cho người ít hơn phần chênh lệch cụ thể:

- Chia anh N được quyền sử dụng diện tích đất 258,3m² (trong đó đất ở 103,3m², đất vườn 155m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 9,93m

Phía Đông giáp đất anh M kích thước 30,86m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 11,35m

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Tử Cai (C) đường gấp khúc đoạn 1 kích thước 24,45m, đoạn 2 kích thước 5,85m.

và sở hữu các tài sản trên đất: 01 nhà cấp 4 bốn gian, 1 bể nước bé 1,5m³, nhà vệ sinh và các cây trên đất gồm: Na 1 cây; nhãn 1 cây, khế 1 cây, lộc vừng 1 cây, sung 1 cây, mít 6 cây (1 to 5 cây nhỏ), xoan 1 cây, bưởi 1 cây, chè 5 cây, ổi 4 cây (2 to 2 nhỏ), chuối 50 cây to nhỏ, hoãn (và) 4 cây (2 to 2 nhỏ), tre 1 bụi. **Tổng trị giá tài sản là: 1.019.481.261 đồng.**

- Chia anh M được quyền sử dụng diện tích đất 139,0m² (trong đó đất ở 49,3m², đất vườn 35,9m², đất ao 53,8m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất chị T kích thước 30,99m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất anh N kích thước 30,86m.

và sở hữu các tài sản trên đất: 01 bể nước to 14m³, nhà tắm và các cây trên đất gồm: Na 1 cây, nhãn 1 cây, bưởi 2 cây, khế 1 cây, chanh 1 cây, sung 1 cây, mít 7 cây (3 to 4 nhỏ), dừa 1 cây, gáo 1 cây, ổi 3 cây (1 to 2 nhỏ), chuối 23 cây to nhỏ, hoãn (và) 2 cây. **Tổng trị giá tài sản là: 536.855.158 đồng.** Anh M có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền là 5.013.287 đồng.

- Chia cho chị T được quyền sử dụng diện tích đất 139,6m² (trong đó đất ở 45,8m², đất ao 93,8m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất chị S kích thước 31,11m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất anh M kích thước 30,99m.

và sở hữu các tài sản trên đất: nhà N2 (chuồng trại) và các cây trên đất gồm: Na 1 cây; Nhãn 1 cây, bưởi 1 cây, chanh 1 cây, sung 1 cây, mít 4 cây (1 to 3 nhỏ), bạch đàn 1 cây, ổi 2 cây nhỏ, chuối 24 cây to nhỏ, hoãn (và) 1 cây. **Tổng trị giá tài sản là: 522.792.203 đồng** và được nhận chênh lệch từ anh M số tiền là 5.013.287 đồng và chị H số tiền là 4.036.383 đồng.

- Chia cho chị S được quyền sử dụng diện tích 140,2m² đất (trong đó đất ở 42,3m², đất ao 97,9m²) :

Phía Bắc giáp đường xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất chị H kích thước 31,23m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất chị T kích thước 31,11m.

và sở hữu các tài sản trên đất: nhà N3 (không mái) và các cây trên đất gồm: Na 1 cây, mít 3 cây nhỏ, xoan 1 cây, ổi 2 cây nhỏ, chuối 23 cây to nhỏ, hoãn (và) 3 cây.

Tổng trị giá tài sản là: 508.510.513đ và được nhận chênh lệch từ chị H số tiền là 23.331.351đồng.

- Chia cho chị H được quyền sử dụng diện tích 155,5m² đất (trong đó đất ở 42,5m², đất ao 113,0m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất giếng làng và nhà bà Lớn kích thước 31,42m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất chị S kích thước 31,23m.

và sở hữu các tài sản trên đất: nhà N3 (không mái) và các cây trên đất gồm: Na 1 cây; nhãn 1 cây, mít 4 cây (1 to 3 nhỏ), cọ 1 cây, ổi 4 cây (2 to 2 nhỏ), chuối 30 cây to nhỏ, hoãn (và) 3 cây. **Tổng trị giá tài sản là: 559.209.611đồng** và có trách nhiệm thanh toán cho chị S số tiền là 23.331.351đ và chị T số tiền là 4.036.382đồng.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Anh M đã nộp số tiền là 4.200.000đồng. Anh M tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải hoàn trả. Do vậy hội đồng xét xử chấp nhận tự nguyện của anh M.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh M, chị T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Anh N, chị S, chị H mỗi người phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng.

Anh N phải nộp án phí dân sự số tiền là: 36.000.000đ + [(219.481.261đ x 3% = 6.584.437đ)] = 42.584.437đồng;

Anh N, chị N phải nộp án phí yêu cầu phản tố số tiền là: 20.000.000đ + [(121.190.000đ x 4% = 4.847.600đ)] = 24.847.600đồng;

Chị S phải nộp án phí dân sự số tiền là: 20.000.000đ + [(131.841.871 x 4% = 5.273.674đ)] = 25.273.674đồng.

Chị H phải nộp án phí dân sự số tiền là: 20.000.000đ + [(131.841.871 x 4% = 5.273.674đ)] = 25.273.674đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609; Điều 611; Điều 613; Điều 615; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn M về yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị Th gồm 832,6m² đất tại thôn Th, xã N, thành phố Ninh Bình cho 5 đồng thừa kế theo pháp luật gồm: Anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị H.

2 - Chia anh N được quyền sử dụng diện tích đất 258,3m² (trong đó đất ở 103,3m², đất vườn 155m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 9,93m

Phía Đông giáp đất anh M kích thước 30,86m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 11,35m

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Tử Cai (C) đường gấp khúc đoạn 1 kích thước 24,45m, đoạn 2 kích thước 5,85m.

và sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 bốn gian, 1 bể nước bé 1,5m³, nhà vệ sinh và các cây trên đất gồm: Na 1 cây; nhãn 1 cây, khế 1 cây, lộc vừng 1 cây, sung 1 cây, mít 6 cây (1 to 5 nhỏ), xoan 1 cây, bưởi 1 cây, chè 5 cây, ổi 4 cây (2 to 2 nhỏ), chuối 50 cây to nhỏ, hoãn (và) 4 cây (2 to 2 nhỏ), tre 1 bụi. Tổng trị giá tài sản là: **1.019.481.261đồng**. (Một tỷ không trăm mười chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng).

- Chia anh Nguyễn Văn M được quyền sử dụng diện tích đất 139,0m² (trong đó đất ở 49,3m², đất vườn 35,9m², đất ao 53,8m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất chị T kích thước 30,99m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất anh N kích thước 30,86m.

và sở hữu các tài sản trên đất: 01 bể nước to 14m³, nhà tắm và các cây trên đất gồm: Na 1 cây, nhãn 1 cây, bưởi 2 cây, khế 1 cây, chanh 1 cây, sung 1 cây, mít 7 cây (3 to 4 nhỏ), dừa 1 cây, gáo 1 cây, ổi 3 cây (1 to 2 nhỏ), chuối 23 cây to nhỏ, hoãn (và) 2 cây. Tổng trị giá tài sản là: **536.855.158đồng**. (Năm trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi tám đồng). Anh M có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền là 5.013.287đồng.

- Chia cho chị T được quyền sử dụng diện tích đất 139,6m² (trong đó đất ở 45,8m², đất ao 93,8m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất chị S kích thước 31,11m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất anh M kích thước 30,99m.

và sở hữu các tài sản trên đất: nhà N2(chuồng trại) và các cây trên đất gồm: Na 1 cây; nhãn 1 cây, bưởi 1 cây, chanh 1 cây, sung 1 cây, mít 4 cây (1 to 3 nhỏ), bạch đàn 1 cây, ổi 2 cây nhỏ, chuối 24 cây to nhỏ, hoăn (và) 1 cây. Tổng trị giá tài sản là: **522.792.203đồng** (Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm linh ba đồng) và được nhận chênh lệch từ anh M số tiền là 5.013.287đồng và chị H số tiền là 4.036.383đồng.

- Chia cho chị S được quyền sử dụng diện tích 140,2m² đất (trong đó đất ở 42,3m², đất ao 97,9m²) :

Phía Bắc giáp đường xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất chị H kích thước 31,23m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất chị T kích thước 31,11m.

và sở hữu các tài sản trên đất: nhà N3(không mái) và các cây trên đất gồm: Na 1 cây, mít 3 cây nhỏ, xoan 1 cây, ổi 2 cây nhỏ, chuối 23 cây to nhỏ, hoăn (và) 3 cây. Tổng trị giá tài sản là: **508.510.513đ** (Năm trăm linh tám triệu, năm trăm mười nghìn, năm trăm mười ba đồng) và được nhận chênh lệch từ chị H số tiền là 23.331.351đồng.

- Chia cho chị H được quyền sử dụng diện tích 155,5m² đất (trong đó đất ở 42,5m², đất ao 113,0m²) :

Phía Bắc giáp đường thôn xóm kích thước 4,5m

Phía Đông giáp đất giếng làng và nhà bà Lớn kích thước 31,42m

Phía Nam giáp kênh mương kích thước 4,5m

Phía Tây giáp đất chị S kích thước 31,23m.

và sở hữu các tài sản trên đất: nhà N4 (không mái) và các cây trên đất gồm: Na 1 cây; nhãn 1 cây, mít 4 cây (1 to 3 nhỏ), cọ 1 cây, ổi 4 cây (2 to 2 nhỏ), chuối 30 cây to nhỏ, hoăn (và) 3 cây. Tổng trị giá tài sản là: **559.209.611đồng** (Năm trăm năm mươi chín triệu, hai trăm linh chín nghìn, sáu trăm mười một đồng) và có trách nhiệm thanh toán cho chị S số tiền là 23.331.351đồng và chị T số tiền là 4.036.382đồng. (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn N và chị Huỳnh Thị N về việc trồng thêm cây trên đất.

4. Bác yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn N, chị Huỳnh Thị N về việc diện tích đất 313 quy đổi sang đất ao vườn; hợp thức hóa diện tích đất 520m² lên 832,6m² và xây dựng 4 gian nhà, 2 gian bếp, 3 gian chuồng trại, tôn tạo, đôn sân, vườn.

Các đồng thừa kế có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M, chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Anh N, chị S, chị H mỗi người phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng.

Chị S phải nộp án phí dân sự số tiền là: 25.273.674đồng.

Chị H phải nộp án phí dân sự số tiền là: 25.273.674đồng.

Anh N phải nộp án phí số tiền là: 42.584.437đồng ; Anh N chị N phải nộp án phí yêu cầu phản tố số tiền là 24.847.600đồng; Được trừ vào số tiền 12.600.000đ (Mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh N, chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0000696 ngày 24/10/2017.

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn M số tiền tạm ứng án phí là 2.080.000đ (Hai triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng), anh M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000427 ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Án xử sơ thẩm Cg khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 22 tháng 02 năm 2019; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà

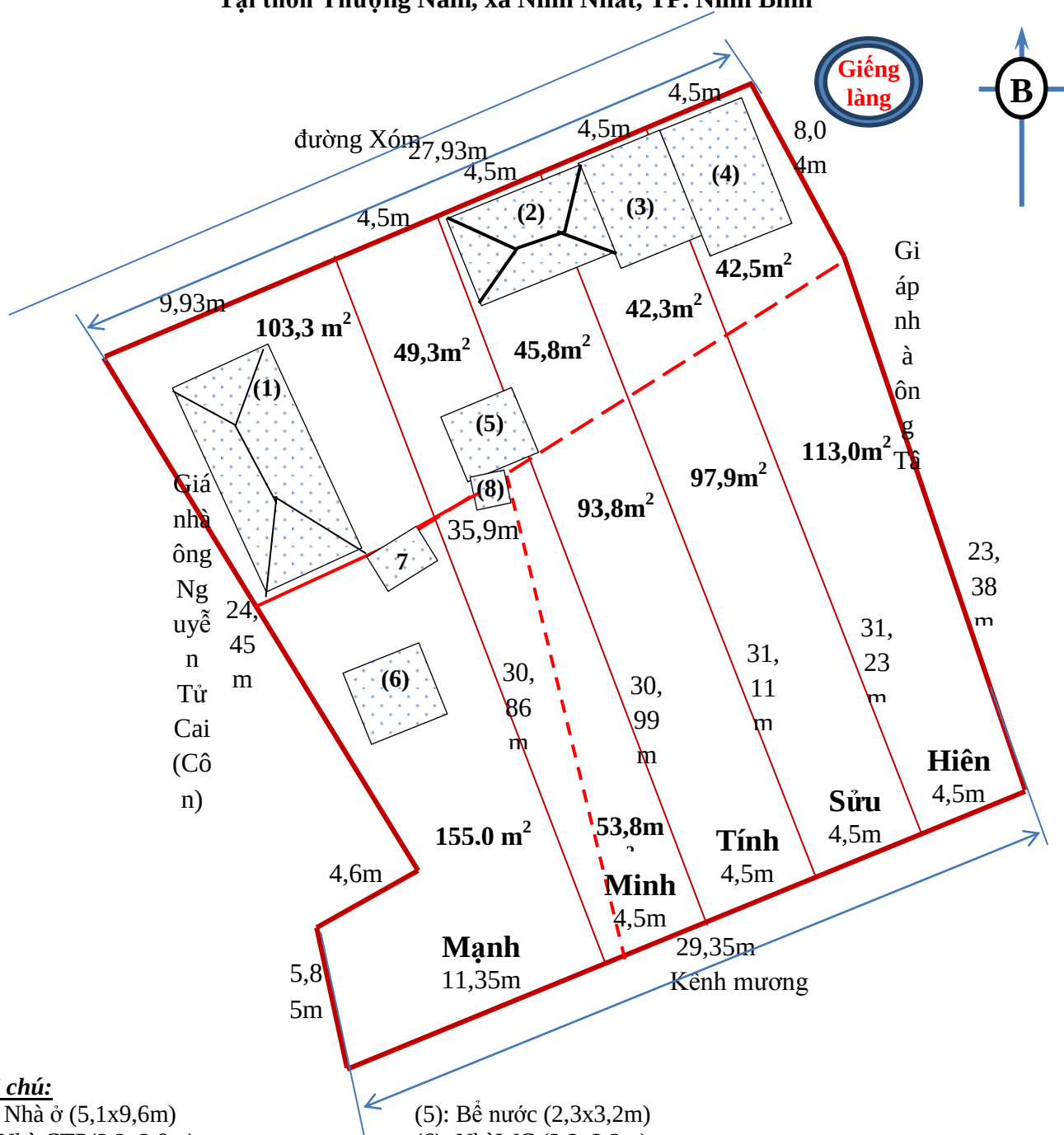
(đã ký)

Trần Thị Sâm

SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT SỐ 226, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 12

Của gia đình Ông Nguyễn Văn Tâm

Tại thôn Thượng Nam, xã Ninh Nhất, TP. Ninh Bình



Ghi chú:

- (1): Nhà ở (5,1x9,6m)
(2): Nhà CTP (2,2x2,9m)
(3): Nhà không mái (3,3x2,0m)
(4): Nhà không mái (2,9x3,5m)

- (5): Bể nước (2,3x3,2m)
(6): NhàWC (2,2x2,2m)
(7): Bể nước (1,5x1,0m)
(8): Nhà tắm (1,4 x 2,4m)

Họ và tên:		Mạnh	Minh	Tính	Sửu	Hiên
Tổng diện tích đất:	832,60 m ²	258,3 m ²	139,0 m ²	139,6 m ²	140,2 m ²	155,5 m ²
Đất ở:	283,20 m ²	103,3 m ²	49,3 m ²	45,8 m ²	42,3 m ²	42,5 m ²
Đất vườn:	190,9 m ²	155,0 m ²	35,9 m ²	0	0	0
Đất Ao:	358,5 m ²		53,8 m ²	93,8 m ²	97,9 m ²	113,0 m ²

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

